TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2024/QĐST-HNGĐ	*Phù Cừ, ngày 29 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các điều 212, 213; khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Doãn Thị Hồng N**, sinh năm 1997;
Địa chỉ: thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Anh **Mai Nhân D**, sinh năm 1990;
Nơi đăng ký HKTT: thôn A, xã A1, huyện T1, tỉnh Thái Bình;
Địa chỉ: Số nhà x, phố B, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Doãn Thị Hồng Nt và anh Mai Nhân D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2 (nay là: xã A1), huyện T1, tỉnh Thái Bình vào ngày 06/01/2019 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, con cái còn nhỏ không có sự chia sẻ, thông cảm cho nhau. Chị N và anh D đã sống ly thân nhau từ tháng 03/2024 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N và anh D đều thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận. Xét việc thuận tình ly hôn này là sự tự nguyện của chị N và anh D, nên cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: chị Doãn Thị Hồng N và anh Mai Nhân D đều khẳng định vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Mai Trí K, sinh ngày 15/10/2020;

Mai Chí C, sinh ngày 11/5/2022 và Mai Chí T3, sinh ngày 29/5/2023. Nay vợ chồng ly hôn, chị N và anh D thống nhất thỏa thuận:

- Giao hai con chung là cháu Mai Trí K và cháu Mai Chí T3 cho chị Doãn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi mỗi cháu K và T3 đủ 18 tuổi; hằng tháng, anh Mai Nhân D tự nguyện cấp dưỡng nuôi các con chung với chị Doãn Thị Hồng N là 2.000.000đ, (Hai triệu đồng)/ 01 cháu/ 01 tháng (02 cháu là 4.000.000 đồng/ 01 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2024 đến khi cháu K đủ 18 tuổi và cháu T3 đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Mai Chí C cho anh Mai Nhân D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu C đủ 18 tuổi; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh D.

Sau ly hôn, chị N và anh D đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: chị Doãn Thị Hồng N và anh Mai Nhân D tự thỏa thuận và đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: chị Doãn Thị Hồng N và anh Mai Nhân D thống nhất thỏa thuận: anh D tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật, xét đây là sự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[5]. Ngày 19/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Chị N và anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[6]. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/7/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo được xã hội,

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Doãn Thị Hồng N và anh Mai Nhân D tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Doãn Thị Hồng N và anh Mai Nhân D đều khẳng định vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Mai Trí K, sinh ngày 15/10/2020; Mai Chí C, sinh ngày 11/5/2022 và Mai Chí T3, sinh ngày 29/5/2023. Nay vợ chồng ly hôn, chị N và anh D thống nhất thỏa thuận như sau:

- Giao hai con chung là cháu Mai Trí K và cháu Mai Chí T3 cho chị Doãn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi mỗi cháu K và T3 đủ 18 tuổi. Hằng tháng, anh Mai Nhân D tự nguyện cấp dưỡng nuôi các chung với

chị Doãn Thị Hồng N là 2.000.000đ, (Hai triệu đồng)/ 01 cháu/ 01 tháng (02 cháu là 4.000.000 đồng/ 01 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2024 đến khi cháu K đủ 18 tuổi và cháu T3 đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Mai Chí C cho anh Mai Nhân D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu C đủ 18 tuổi; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh D.

Sau ly hôn, chị N và anh D đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không thi hành đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: chị Doãn Thị Hồng N và anh Mai Nhân D tự thỏa thuận và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Doãn Thị Hồng N và anh Mai Nhân D thỏa thuận: anh D tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào khoản tiền anh D đã nộp tạm ứng lệ phí là 300.000đ, (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001266 ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Anh Mai Nhân D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luâth thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (phòng KTNV);
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Phù Cừ;
- UBND xã T2 (A1), T1, Thái Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền